TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 434/2019/HS-PT
Ngày 29 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Vũ Ngọc Huynh

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 529/2017/TLPT- HS ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Phạm Huy D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Huy D. Sinh năm 1978 tại Thái Bình; Thường trú: 389/22A L, Ấp 2, xã Ph, huyện N, TP. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cha: Phạm Văn D. Sinh năm 1947 (đã chết); Mẹ: Phạm Thị Đ. Sinh năm 1945 - Nghề nghiệp: Hưu trí; Vợ: Nguyễn Thị M. Sinh năm 1983 - Nghề nghiệp: Cán bộ y tế; Con: 02 người, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013.

Bị bắt: 19/7/2016. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Thái Văn Ch - Công ty Luật TNHH MTV Hãng luật Nguyên Giáp (Xin vắng mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Hồ Hoài Nh – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị hại:

1. Lại Thị C. Sinh năm 1984; Trú tại: A4/58 ấp 1, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

2. Phan Cao H. Sinh năm 1984; Trú tại: 02 Phạm Đôn, phường 10, Quận 5,

Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn V - Sinh năm 1989; Trú tại: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

Nhân chứng:

1. Nguyễn Thị Thúy Ng - Sinh năm 1984; Trú tại: xã Th, huyện Ch, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt).

2. Trần Văn H - Sinh năm 1984 (Vắng mặt).

3. Nguyễn Trần Thanh L - Sinh năm 1985 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Huy D là đại úy, công tác tại Trại tạm giam (PC81B) Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có quan hệ yêu đương nam nữ với chị Lại Thị C từ những năm 2007 đến năm 2010. Sau khi chia tay, D và chị C đều lập gia đình riêng nhưng vẫn giữ liên lạc với nhau.

Nguyễn Thị Ánh T (tên gọi khác: Bé Trang, Bé Tư) từng bị Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vùng Tàu xét xử và chấp hành án tại nơi D công tác nên cả hai quen biết nhau. Ngày 26/3/2014, T chấp hành án xong. Sau đó, T và D góp vốn cùng nhau kinh doanh xe cẩu, làm cát, mở quán cà phê ở huyện Châu Đức.

Quá trình sống và làm ăn chung với nhau, D kể mối quan hệ trước đây với chị C cho T nghe. Sau đó, từ giữa năm 2014 đến năm 2015, D sắp đặt, chỉ dẫn T gọi điện thoại cho chị C tự giới thiệu tên "Chị Tư" là chị bà con với M (vợ D) và là em gái của "Chị Tr" vợ ông Đ là cháu bà con thân thích của ông Bùi Quang B - Thứ trưởng Bộ Công an đang công tác tại Phòng Tổ chức thuộc Tổng cục III Bộ Công an có khả năng chạy chuyển công tác cho cán bộ chiến sỹ trong ngành Công an nhân dân. Ai có nhu cầu về làm việc tại Tổng cục III Bộ Công an thì chỉ cần lo tiền, mọi việc chạy chuyển công tác D và T (Chị Tư) sẽ đứng ra lo hết. Do tin tưởng là thật, nên chị C và anh Phan Cao H đã chuyển tiền nhờ chạy chuyển công tác nhưng thực chất đã bị D, T chiếm đoạt như sau:

1. Chiếm đoạt tiền của chị Lại Thị C:

Ban đầu, D sắp đặt, chỉ dẫn T đóng giả "Chị Tư" gọi điện thoại, nhắn tin khuyên nhủ chị C đừng quan hệ với D, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình D. Đến tháng 8/2014, D cung cấp thông tin tài khoản của D tại ngân hàng Đông Á và ngân hàng Agribank, số giấy Chứng minh nhân dân của T cho chị C. Sau đó, D, T gọi điện thoại, nhắn tin cho chị C than rằng gia đình D bị mất trộm, mẹ D bị bệnh, hoàn cảnh khó khăn..., rồi nàn nỉ chị C cho mượn tiền. Tin tưởng là thật nên chị C đã chuyển tiền để D chiếm đoạt.

Cụ thể như sau:

- Chuyển tiền 9 lần qua tài khoản của D số 0101890438 tại Ngân hàng Đông Á, tổng số tiền 37,7 triệu đồng.

- Chuyển tiền 17 lần qua tài khoản của D số 6000205308783 tại Ngân hàng

Agribank, tổng số tiền 64,6 triệu đồng.

Sau một thời gian, chị C gọi điện đòi tiền thì D, T tạo dựng thông tin gian dối như: D đang làm thủ tục ly dị vợ thiếu tiền nộp án phí, D về quê bán nhà để trả nợ nhưng bị đau thận phải nhập viện ở Nha Trang không tiền đóng viện phí để không trả tiền cho chị C.

Đến khoảng tháng 12/2014, D và T gọi điện thoại, nhắn tin cho chị C tạo dựng thông tin gian dối là D đã được chuyển công tác về Tổng cục III Bộ Công an và D đang lo chạy chuyển công tác cho chị C về cùng cơ quan với D, chi phí chạy chuyển công tác cho chị C hết 400 triệu đồng, D sẽ cấn trừ số tiền mượn chị C trước đó. Đồng thời D, T yêu cầu chị C cung cấp giấy xác nhận công tác và chuyển thêm tiền cho đủ 400 triệu đồng. Tin tưởng là thật nên chị C đã tự đánh máy giấy xác nhận công tác nhờ lãnh đạo phòng ký, đóng dấu xác nhận, và tiếp tục chuyển tiền để D, T chiếm đoạt.

Cụ thể như sau:

- Chuyển tiền 3 lần qua tài khoản của D số 0101890438 tại Ngân hàng Đông Á, tổng số 28 triệu đồng.

- Chuyển tiền 8 lần qua tài khoản của D số 6000205308783 tại Ngân hàng Agribank, tổng số 85,3 triệu đồng.

- Giao tiền trực tiếp 3 lần cho T tổng số 164 triệu đồng.

- Chuyển tiền 3 lần qua Giấy chứng minh nhân dân số 273127798 của T tại ngân hàng Agribank, tổng số 91,3 triệu đồng.

Ngoài ra, chị C có người bạn là Trần Văn H đang công tác tại Công an huyện Bình Chánh, TP.HCM cùng có nhu cầu chuyển công tác về Tổng cục III Bộ Công an nên giới thiệu cho D, T. Sau đó D, T, chị C và anh H gọi điện thống nhất chạy chuyển công tác cho anh H về Tổng cục III với số tiền là 160 triệu đồng. Ban đầu anh H đồng ý, nhưng sau đó không có tiền nên anh H thôi không chạy chuyển công tác nữa. D chỉ dẫn T gọi điện thoại nói dối đã có sẵn 120 triệu đồng, anh H cứ lo thu xếp tiền để chuyển sau, còn thiếu bao nhiêu T sẽ ứng tiền quỹ cơ quan ra lo. Tin tưởng là thật nên ngày 24/3/2015, chị C đã ứng tiền cá nhân chạy chuyển công tác cho anh H số tiền 15 triệu đồng chuyển qua Giấy chứng minh nhân dân số 273127798 của T tại ngân hàng Agribank để D, T chiếm đoạt. Như vậy, trong vụ việc này D, T chiếm đoạt tiền của chị C chứ không phải tiền của anh H.

2. Chiếm đoạt tiền của anh Phan Cao H:

Cùng trong tháng 4/2015, D chỉ dẫn T đóng giả "Chị Trang" là chị của "Chị Tư" và là vợ ông Đ cháu ông Bùi Quang B - Thứ trưởng Bộ Công an đang công tác tại Phòng Tổ chức thuộc Tổng cục III Bộ Công an gọi điện cho chị C biết là Tổng cục III đang tuyển dụng cán bộ, ai có nhu cầu thì đưa tiền, mọi việc thì D và "Chị Trang" sẽ đứng ra lo hết. Chị C đã thông tin đến anh Phan Cao H (sinh năm 1984, trú tại số 2, đường Phạm Đôn, phường 10, Quận 5, TP.HCM) cùng công tác tại Phòng PH41 Công an TP. HCM. Anh H gọi điện với T thì được hứa hẹn chuyển công tác cho anh H về Tổng cục III trong thời gian ngắn

với chi phí là 240 triệu đồng, đưa trước 120 triệu đồng, số còn lại 120 triệu đồng sẽ đưa sau. Tin tưởng là thật, nên anh H đã giao cho chị C 120 triệu đồng để nhờ chuyển cho T. Sau đó, T gọi điện báo sẽ chuyển công tác cho anh H trong vòng 03 tuần và yêu cầu anh H đưa thêm 30 triệu đồng nữa. Anh H tiếp tục giao cho chị C 30 triệu đồng nhờ chuyển giúp cho T. Ngoài ra, anh H có bạn gái cùng muốn chuyển công tác lên Tổng cục III nên anh H đã tự ý giao cho C 10 triệu đồng nhờ chuyển cho T để giữ chỗ cho bạn chạy chuyển công tác về Tổng cục III cùng anh H.

Như vậy, anh H đã giao cho chị C 160 triệu đồng để nhờ chị C chuyển cho T. Chị C đã 08 lần chuyển tiền qua Giấy chứng minh nhân dân số 273127798 của T tại ngân hàng Agribank, tổng số tiền 163 triệu đồng để D, T chiếm đoạt.

Tổng số tiền chị C đã chuyển cho D, T là 648,9 triệu đồng (sáu trăm bốn tám triệu chín trăm nghìn đồng). Do D đã chuyển trả lại cho chị C số tiền 50 triệu đồng trước khi chị C có đơn tố cáo. Nên số tiền D, T chiếm đoạt là 598,9 triệu đồng (trong đó, chiếm đoạt của chị C là 438,9 triệu đồng; chiếm đoạt của anh H là 160 triệu đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Huy D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm g, o Khoản 1 Điều 48; điểm b Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt Phạm Huy D 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2017 bị cáo Phạm Huy D kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kêu oan không nhận tội. Bị cáo khai chưa bao giờ nhận tiền từ chị C, tất cả việc lừa đảo do chị T làm bị cáo không liên quan.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xin vắng mặt tại phiên tòa đã gửi bài phát biểu trình bày quan điểm: Nguyễn Thị Ánh T lợi dụng mối quan hệ giữa Phạm Huy D và Lại Thị C để từ đó dùng mọi thủ đoạn lừa dối lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Lại Thị C nên trong suốt quá trình thanh tra, điều tra, xét xử bị cáo liên tục kêu oan. Quá trình thanh tra, điều tra, truy tố bị cáo không đảm bảo khách quan có dấu hiệu suy đoán chủ quan, oan cho bị cáo. Trong vụ án này bị cáo T mới thực sự là người chủ mưu, sắp đặt, dàn dựng mọi việc. Bị cáo D chỉ là nạn nhân của T. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Huy D không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và trả tự do ngay cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo trình bày: Vụ án còn nhiều tình tiết chưa được làm rõ đề nghị hủy bản án để điều tra lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Bị cáo kêu oan là không có căn cứ. Hồ sơ vụ án đã thể hiện rất

rõ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo cùng T đã lợi dụng mối quan hệ quen biết để tạo dựng nhiều thông tin giả để lừa đảo xin chuyển công tác cho chị C và anh H với tổng số tiền 648.9 triệu đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Huy D nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị C khai trước đây bị cáo và chị có quan hệ tình cảm nam nữ từ năm 2007-2010. Sau khi chia tay cả hai đã lập gia đình riêng nhưng vẫn giữ liên lạc với nhau, thỉnh thoảng có gặp nhau khi đi công tác. Lúc gặp ở Vũng Tàu bị cáo hỏi mượn tiền của chị để lo việc gia đình, đóng tiền học cho con, lo cho mẹ... Vì chỗ bạn bè nên chị có cho mượn rất nhiều lần chỉ qua tài khoản của D.

Lúc này ý thức của chị mượn không lấy lãi, không vì mục đích gì khác và chị C cũng khẳng định lúc này bị cáo không hề đặt vấn đề xin việc chuyển công tác cho chị hay bất kỳ ai.

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng tại Bút lục 242 đơn xin tạm vắng mặt tại cơ quan, bị cáo có ghi mượn tiền của chị C là có thật, bị cáo xin nghỉ mấy ngày để đi vay mượn và đi bán nhà trả.

Trong suốt quá trình tố tụng chị C nhiều lần khẳng định chị gọi điện đòi tiền thì D viện nhiều lý do để không trả tiền cho chị. Đến tháng 12/2014 khi bị cáo D không trả được tiền, bị cáo mới bắt đầu nói đến việc xin chuyển công tác cho chị lên Tổng cục III. Nói chi phí chạy chuyển công tác hết 400.000.000 đồng, D sẽ cấn trừ số tiền mượn chị trước đây sang, số tiền còn lại chị sẽ chuyển thêm cho D sau. Chị nghĩ số tiền trên chị đòi nhiều lần nhưng D không trả được nên chị đồng ý việc chuyển công tác để khấu trừ số tiền trên.

Bị cáo bị Tòa sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với số tiền chiếm đoạt là 598,9 triệu đồng. Trong đó tiền chị C khai chuyển cho D ban đầu khi D hỏi vay tổng 102,3 triệu đồng cụ thể:

- Chuyển tiền 9 lần qua tài khoản của D số 0101890438 tại Ngân hàng Đông Á, tổng số tiền 37,7 triệu đồng.

- Chuyển tiền 17 lần qua tài khoản của D số 6000205308783 tại Ngân hàng Agribank, tổng số tiền 64,6 triệu đồng.

Như vậy, cần làm rõ hai giai đoạn giao dịch của bị cáo với chị C. Tại phiên tòa phúc thẩm chị C khai lúc bị cáo và chị C gặp nhau ở Vũng Tàu bị cáo D hỏi mượn tiền, sau đó nhắn tin nên chị gởi cho mượn tiền chưa liên quan đến việc chuyển công tác.

Giai đoạn này cần làm rõ ý thức chủ quan của bị cáo đã có ý lừa đảo chưa, hay chỉ là giao dịch dân sự, hay khi bị cáo mượn tiền không có khả năng trả nợ

nên bị cáo mới có ý định chiếm đoạt tiền với các phương thức thủ đoạn xin chuyển công tác cho một số người có nhu cầu như cáo trạng đã truy tố.

Xét thấy, bị cáo Phạm Huy D cùng T đã lợi dụng sự quen biết để tạo dựng nhiều thông tin giả để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Với hành vi của mình tòa sơ thẩm xét xử bị cáo D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ pháp luật. Nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ xem số tiền 102,3 triệu đồng bị hại C cho D mượn tiền có phải bị cáo D đã ý định lừa đảo ngay từ ban đầu chưa.

Lời khai của bị hại C tại phiên tòa phúc thẩm cần phải điều tra làm rõ để có cơ sở xác định tội danh và khung hình phạt của bị cáo. Do vậy, cần hủy toàn bộ bản án để điều tra lại. Đây là tình tiết mới của vụ án nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo bị cáo Phạm Huy D.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Giao hồ sơ lại cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để điều tra lại vụ án.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Huy D đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý lại hồ sơ.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Trại giam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; bị cáo (2)
- Bị hịa và NCQLNVLQ (3)
- Lưu hồ sơ vụ án (3). 17b (MTTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Huyền Vân